

Số: 1071/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 966/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/9/2026 về việc “Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1981

Số CCCD: 025181000384 do Cục trưởng cục C1 về TTXH cấp ngày 24/7/2021.

- Bị đơn: Anh **Phí Đăng Đ**, sinh năm 1980

Số căn cước: 001080013246 do Bộ C2 cấp ngày 17/3/2025.

Cùng nơi thường trú: Thôn Q, xã D, thành phố Hà Nội và nơi cư trú: Căn hộ chung cư S, B3-CT05, Tòa S1.11 (228) Khu đô thị G - Vinhomes O, xã G, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981 và anh Phí Đăng Đ, sinh năm 1980.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phí Đăng Đ, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H và anh Đ thống nhất xác định có 02 con chung là cháu Phí Thị Minh N, sinh ngày 17/12/2007 và cháu Phí Thị Minh C, sinh ngày 19/5/2014.

Nay cháu Phí Thị Minh N nay đã đến tuổi trưởng thành chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Khi ly hôn, chị H và anh Đ thống nhất thỏa thuận:

+ Chị H là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Phí Thị Minh C đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh Đ thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Anh Phí Đăng Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung là động sản, bất động sản: Chị H và anh Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.3. Về các khoản nợ chung: Chị H và anh Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu H chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005010 ngày 04/9/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Hà Nội. Hoàn trả chị H 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Hà Nội;
- UBND xã Phú Xuyên, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99; quyền số 01/2006 ngày 03/11/2006 do UBND xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây - nay là UBND xã Dương Hòa, thành phố Hà Nội.);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Vũ Quang Dũng